

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



TRIỆU THỊ PHƯỢNG

**SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT
VỀ NỘI DUNG GIỮA TRUYỆN THƠ TÂY
VÀ TRUYỆN THƠ THÁI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

THÁI NGUYÊN - NĂM 2009

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



TRIỆU THỊ PHƯƠNG

**SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT
VỀ NỘI DUNG GIỮA TRUYỆN THƠ TÂY
VÀ TRUYỆN THƠ THÁI**

Chuyên ngành: VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Mã số: 60 22 34

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS TRẦN ĐỨC NGÔN

THÁI NGUYÊN - NĂM 2009

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Dân tộc Việt Nam là một cộng đồng bao gồm nhiều dân tộc. Bên cạnh dân tộc Việt là dân tộc chủ thể, còn có các dân tộc thiểu số khác sống rải rác trên mọi miền đất nước. Các dân tộc có khác nhau, đều chung nguồn gốc Bách Việt. Từ những buổi đầu dựng nước cho đến ngày nay, các dân tộc thiểu số đã có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng truyền thống lịch sử, văn hoá của đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, ngoài tính chung, mỗi dân tộc đều có văn hoá riêng, có ngôn ngữ, phong tục tập quán, cũng như văn học nghệ thuật riêng. Văn học dân gian các dân tộc thiểu số có những thành tựu độc đáo với những sắc thái riêng biệt. Diện mạo của văn học dân gian Việt Nam được nhìn nhận đầy đủ, chính xác hơn trên mối quan hệ tổng thể với văn học dân gian các dân tộc thiểu số. Đó là một nền văn học dân gian thống nhất, đa dạng. Cho nên, việc nghiên cứu, tìm hiểu văn học dân gian các dân tộc thiểu số là cần thiết, thể hiện rõ đường lối dân tộc, đường lối văn hoá và văn nghệ của Đảng ta, đó là bình đẳng dân tộc, phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, nhằm góp phần vào việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam vừa thống nhất vừa đa dạng.

Dân tộc Tày và dân tộc Thái là hai dân tộc có số dân đông đứng ở vị trí thứ hai, thứ ba sau dân tộc Kinh (dân tộc Việt), là cư dân bản địa, giữ vai trò chủ thể từ nhiều ngàn năm nay ở khu vực Đông Bắc và Tây Bắc Việt Nam. Đây là hai cộng đồng người có tính thống nhất cao, sớm có ý thức tộc người, cùng chung hệ ngôn ngữ Tày - Thái và có nhiều nét tương đồng trong sự đan xen chặt chẽ tự nhiên. Xã hội Tày và Thái tiến triển khá nhanh cùng với sự ra đời của nhà nước cổ đại đầu tiên và hùng mạnh nhất ở vùng Đông Nam Á, nhất là từ khi bắt đầu

xây dựng nhà nước phong kiến sau công nguyên. Do đó, nghiên cứu tiến trình phát triển của văn học dân gian Việt Nam đương nhiên không thể tách rời việc nghiên cứu văn học dân gian của hai dân tộc Tày và Thái.

Nói đến nền văn học dân gian dân tộc Tày và Thái, không thể không nói đến truyện thơ, đây là một thể loại phổ biến và tiêu biểu ở nhiều dân tộc, được nhân dân các dân tộc yêu thích trong đó có dân tộc Tày và Thái. Khi nghiên cứu văn học dân gian Tày và Thái, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu so sánh là cần thiết để đi tìm những mặt tương đồng và khác biệt trong kho tàng truyện thơ các dân tộc để làm sáng tỏ thêm tính thống nhất trong đa dạng của nền văn hoá, văn học dân gian Việt Nam. Đây cũng là việc làm cần thiết để tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc.

Dân tộc Tày và dân tộc Thái, nhờ có hệ thống chữ Nôm, đã lưu truyền được nhiều tác phẩm truyện thơ có giá trị cho tới ngày nay, đóng góp một phần không nhỏ tạo nên diện mạo truyện thơ của các dân tộc thiểu số nói chung. Truyện thơ của dân tộc Tày và dân tộc Thái gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người Tày và người Thái, là niềm tự hào của họ. Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học quan tâm, nghiên cứu về truyện thơ Tày và truyện thơ Thái. Tuy nhiên đó là những công trình nghiên cứu riêng biệt. Trong khoa nghiên cứu văn học dân gian, chưa có những công trình nghiên cứu so sánh giữa các dân tộc.

Đến với truyện thơ Tày và truyện thơ Thái, chúng tôi thực sự bị cuốn hút bởi những vấn đề mà các tác phẩm văn học dân gian đó đặt ra, mặc dù nó dường như rất cũ như trong các thể loại văn học dân gian khác cũng và đã thể hiện, song nó cũng rất thân thuộc, gần gũi bởi những vấn đề có tính chất thời đại, mang màu sắc dân tộc, gần gũi với đại chúng nhân dân... Bằng việc thực hiện đề tài: ***“Sự tương đồng và khác biệt về nội dung giữa truyện thơ Tày và truyện thơ Thái”*** (ở một số tác phẩm tiêu biểu), chúng tôi muốn giới thiệu tới những ai

quan tâm đến văn học Tày, Thái nói chung và truyện thơ Tày, Thái nói riêng một vài sự tương đồng, khác biệt cơ bản về nội dung. Hy vọng chúng tôi sẽ có được những thu nhận ban đầu thực sự xác đáng, khoa học đối với kho tàng truyện thơ của hai dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở đó, chúng tôi nhận thấy đề tài “Sự tương đồng và khác biệt về nội dung giữa truyện thơ Tày và truyện thơ Thái” vừa phù hợp với nhu cầu của thực tiễn, vừa đáp ứng được đòi hỏi của khoa học chuyên ngành. Đây chính là lý do khiến chúng tôi lựa chọn đề tài này.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Ngày nay, việc giữ gìn và bảo lưu các giá trị văn hoá, văn học của các dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề bức xúc bởi các giá trị văn hoá tinh thần của các dân tộc này đang ngày càng bị mai một theo thời gian. Đây là một trong những vấn đề đang được Đảng và Nhà nước quan tâm. Vì thế, đã có rất nhiều công trình sưu tầm, nghiên cứu về truyện thơ nói chung và truyện thơ Tày, truyện thơ Thái nói riêng.

2.1. Những công trình nghiên cứu chung về truyện thơ

Năm 1983, tác giả Võ Quang Nhơn trong cuốn *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam* [43]. Sách gồm bảy chương, trong đó ông đã giành hẳn một chương để nói về truyện thơ - thể loại được coi là “một dấu nối giữa văn học truyền miệng và văn học thành văn” và “sự phân biệt giàu nghèo và theo đó là sự xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp” là một trong những tiền đề để truyện thơ ra đời [43, tr.393]. Về đề tài của truyện thơ, tác giả cho rằng chúng rất phong phú, “chúng đề cập đến nhiều mặt trong hiện thực xã hội của các dân tộc anh em: Hoặc thân phận những đứa trẻ mồ côi; hoặc cuộc sống cực nhọc của những người lao động nghèo khổ; hoặc khát vọng lập công cứu nước trả thù nhà của các chàng trai; hoặc các mốc lịch sử lớn trong đời sống các dân tộc... Đặc biệt là đề tài về cuộc đấu tranh cho tự do yêu đương, cho quyền sống

của người phụ nữ trong lòng xã hội cũ là một đề tài khá phổ biến. Đó là khát vọng dân chủ thiết tha, mãnh liệt của quần chúng trong lòng xã hội phong kiến mà quyền sống con người bị chà đạp, bóp nghẹt nặng nề, được phản ánh vào trong nền văn học truyền thống các dân tộc anh em” [43, tr.395-396].

Trên Tạp chí văn học năm 1997, số 7, Lê Trường Phát có bài viết “*Về mô hình cốt truyện của truyện thơ các dân tộc thiểu số*” [45]. Tác giả nhận xét: Ở truyện thơ Nôm của người Việt “mọi người hầu như đã nhất trí rằng phần lớn cốt truyện của thể loại này được xây dựng theo mô hình “kết thúc có hậu” gồm ba chặng: Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ. Nói “phần lớn” bởi lẽ mô hình cốt truyện này chỉ áp dụng với những tác phẩm mà đề tài chủ đạo là tình yêu đôi lứa. Tuy nhiên, đây là đề tài chủ yếu, cơ bản của thể loại” [45, tr.52]. Ở truyện thơ các dân tộc thiểu số, với 20 tác phẩm (của 5 dân tộc: Tày, Thái, Mường, H’mông, Chăm) đã được dịch sang tiếng Việt tính đến năm 1997, Lê Trường Phát nhận thấy loại tác phẩm thể hiện đề tài tình yêu có kết thúc bi kịch (kết thúc không có hậu) chiếm số lượng áp đảo. Trong số 20 tác phẩm có tới 13 tác phẩm thuộc kiểu kết thúc bi kịch. Ông khẳng định: Ở truyện thơ các dân tộc thiểu số, “kiểu kết thúc bi kịch mới phổ biến và tiêu biểu” [45, tr.54]. Nhưng “riêng ở nhóm truyện thơ Tày - Nùng, tình hình ngược lại: kiểu “kết thúc có hậu” chiếm tỉ lệ lấn át” [45, tr.54]. Sở dĩ có hiện tượng này, “chính là do vai trò tham gia sáng tạo tác phẩm của các Nho sĩ, thầy đồ người Việt miền xuôi lên; họ mang theo ảnh hưởng của truyện Nôm Việt vào truyện thơ Tày - Nùng. “Kết thúc có hậu” là một cách để dân gian tân công (tất nhiên trong mơ ước) vào lễ giáo phong kiến (mà thực chất là tín điều Nho giáo) trong lĩnh vực tình yêu và hôn nhân” [45, tr.54]. Theo Lê Trường Phát, còn những dân tộc khác như Thái, H’mông, Chăm, vai trò tham gia sáng tạo truyện thơ chủ yếu thuộc về dân gian trí thức của chính các dân tộc đó, vai trò của các Nho sĩ miền xuôi lên, của các ông đồ Việt và của Nho giáo rất mờ nhạt, kết hợp với đặc điểm thi pháp thể loại dẫn đến sự lựa chọn kiểu kết thúc bi kịch.

Tác giả Phan Đăng Nhật, năm 2004 có bài *Truyện thơ*, in trong cuốn sách *Truyện thơ Tày nguồn gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại* của Vũ Anh Tuấn [63]. Khi phân loại truyện thơ, ông đưa ra hai tiêu chí phân loại: Phân loại truyện thơ theo phương thức diễn xướng, nguồn gốc tác phẩm. Truyện thơ được chia làm 4 nhóm:

- Nhóm truyện thơ gắn với sinh hoạt nghi lễ dân gian.
- Nhóm truyện thơ kế thừa truyền thống tự sự của truyện cổ dân gian các dân tộc.
- Nhóm truyện thơ kế thừa truyền thống trữ tình thơ ca dân gian các dân tộc.
- Nhóm truyện thơ thiên về khuynh hướng thuyết giáo đạo đức của truyện thơ Nôm Kinh.

Phân loại truyện thơ theo tiêu chí đề tài, theo cách này, truyện thơ được ông chia làm 3 loại:

- Truyện thơ về tình yêu.
- Truyện thơ về người nghèo khổ.
- Truyện thơ về chính nghĩa.

Về vấn đề hình thành truyện thơ, Phan Đăng Nhật cho rằng “truyện thơ ra đời do nhu cầu lịch sử - xã hội của thời đại của nó. Lúc bấy giờ trong xã hội các dân tộc thiểu số đã xuất hiện nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa tình yêu chân chính của đôi lứa với đòi hỏi khát khe, lạnh lùng nhiều khi tàn bạo của gia đình và xã hội; mâu thuẫn giữa kẻ nghèo khó và kẻ giàu sang; mâu thuẫn giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Lúc này vấn đề thân phận của con người được đặt ra và đòi hỏi phải đáp ứng thoả đáng” [63, tr.401].

2.2. Những công trình sưu tầm, nghiên cứu về truyện thơ Tày

Đầu tiên, chúng ta biết đến 8 tác phẩm truyện thơ Tày (*Nam Kim - Thị Đan, Lưu Đài - Hán Xuân, Kim Quế, Chim sáo, Trần Châu, Đính Quân, Quảng Tân - Ngọc Lương, Vượt biển*) trong bài “*Mấy ý nghĩ về truyện thơ cổ Tày -*

Nùng”, viết giới thiệu cho hai tập Truyện thơ Tày - Nùng, xuất bản năm 1964, do nhà thơ Nông Quốc Chấn giới thiệu [8]. Bài viết đã có những nhận xét quan trọng về những nét đặc biệt trong nền văn học cổ điển Tày - Nùng, về hai nội dung chính của tám truyện thơ trên (một là, tính cách anh hùng, chí khí dũng cảm, tinh thần vượt mọi khó khăn gian khổ để vươn lên tới đích; hai là, thiết tha với quyền sống con người lao động, yêu quý chính nghĩa và điều thiện, căm thù phi nghĩa và tội ác, về những yếu tố tiêu cực (triết lý duy tâm không tưởng và tính giai cấp mơ hồ). Ngoài ra bài viết còn có những nhận xét quan trọng về hình thức nghệ thuật của truyện thơ như: Cách bố cục câu chuyện, bút pháp mô tả, thể thơ và lời thơ.

Tác giả Lục Văn Páo, năm 1992, trong Tạp chí Văn hoá dân gian, số 3 đã có bài viết “*Truyện Nôm Tày*” [44]. Tác giả đã đưa ra những lý lẽ thuyết phục rằng truyện thơ Tày là sản phẩm song trùng: Một mặt là sản phẩm của một loại hình thức văn học dân tộc ra đời, song cũng là sản phẩm được sinh ra bởi chữ Nôm. Không có chữ Nôm Tày thì không có truyện thơ Tày tồn tại như ngày nay. Tác giả đã đưa ra một danh mục truyện thơ Nôm Tày được sưu tầm trong nhiều năm, gồm có 47 truyện (trong đó có 39 truyện thuộc nhóm truyện do người Tày sáng tác, 6 truyện bắt nguồn từ các truyện Nôm Kinh, 2 truyện có nguồn gốc từ truyện dân gian Trung Quốc). Quả thực, đây là số lượng tác phẩm có quy mô đồ sộ mà ít dân tộc nào sánh được. Tuy nhiên danh mục này, còn có thể tiếp tục bổ sung. Bài viết đã khẳng định: "Xét về nội dung, những truyện thơ này phản ánh cuộc sống của người Tày khá phong phú, đa dạng. Việc tìm hiểu tư tưởng xã hội người Tày trong lịch sử, nhất là bộ phận phong tục tập quán, nếp sống đã qua thì kho tàng này dường như chiếm địa vị độc tôn nếu không muốn nói là duy nhất..." [44, tr.20]. Hơn nữa, tác giả cho rằng: “Hơn 90% truyện thơ Nôm Tày đều lấy các cuộc tình duyên làm nội dung. Do vậy tình yêu và sự thử thách của các mối tình luôn là thước đo của sự thủy chung...” [44, tr.21].

Trong Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, *Truyện Nôm Tày, điểm nối giữa văn học dân gian và văn học Tày*, năm 2000 [19], Hà Bích Hiền có đưa ra một số yếu tố dân gian trong truyện thơ Nôm Tày. Đó là, về chủ đề của truyện Nôm Tày: Chủ đề chính nghĩa thắng gian tà, thiện thắng ác; chủ đề tình yêu đôi lứa. Về kết cấu cốt truyện thơ Nôm Tày, kiểu kết thúc có hậu là 9/10 tác phẩm, kiểu kết thúc bi kịch là 1/10 tác phẩm. Tác giả đã giải thích hai kiểu kết thúc này theo 3 chặng và đưa ra những mô típ truyền thống của truyện dân gian trong truyện thơ Nôm Tày...

Năm 2003, nhóm tác giả Triều Ân, An Định, Hoàng Quyết, Hoàng Thị Cảnh, do Triều Ân chủ biên trong *Chữ Nôm Tày và truyện thơ* [3], có đưa ra những bằng chứng nhằm giải thích sự kiện: “Truyện thơ Tày xuất hiện từ bao giờ?”. Nhóm tác giả cho rằng “Suy nghĩ tìm tòi truyện thơ Tày xuất hiện từ bao giờ, ta thấy có nét chung là xuất hiện từ sau khi có văn tự Nôm Tày (là thể kí thứ V); đi vào cụ thể từng pho truyện ta sẽ thấy sự xuất hiện khác nhau về thời điểm ta cần đọc xem xét nội dung truyện cũng như bối cảnh lịch sử, tương quan lịch sử của truyện đó” [3, tr.32-33]. Nhóm tác giả đã phân loại nguồn gốc truyện thơ Tày từ trước năm 1945, và “tổng quát lại, ta biết truyện thơ Nôm Tày bắt nguồn từ xã hội người Tày là chủ yếu (trừ truyện Sơn Bá - Chúc Anh Đài gốc Trung Quốc hoặc có một vài truyện mượn tích hoặc truyện của người Việt để Tày hoá như Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa...). Trong truyện thơ Nôm Tày, dù có mượn tên nhân vật (như vua nước ngoài) mượn tên đất nước dưới miền xuôi hoặc dưới âm phủ, ta hãy quên những tên rất thật ấy đi để thấy giá trị hiện thực, nhân đạo... của truyện. Tên nhà vua, tên đất, lúc này chỉ còn có giá trị ước lệ, vay mượn “cho có chuyện” mà thôi” [3, tr.35-36]. Nhóm tác giả đã giới thiệu 5 truyện thơ rất phổ biến và được hâm mộ trong dân tộc Tày, đó là *Nàng Kim*, *Nàng Hán*, *Nàng Quyển*, *Nàng Ngọc Long*, *Nàng Ngọc Dong* và có những lời nhận xét, phân tích về nội dung, nghệ

thuật của 5 truyện thơ một cách xác đáng với tư cách là những người am hiểu truyện thơ Nôm Tày. Sau đây là một vài lời nhận xét chung nhất cho 5 truyện thơ này: “Qua 5 truyện thơ về các “Nàng”, ta dễ nhận thấy một điều là các nhân vật nữ thuộc tuyến chính nghĩa đều là những người phúc hậu, người tốt, hiền lành. Dù tác giả (khuyết danh, dân gian) có xây dựng các nàng có nguồn gốc từ đâu, là người trần thế hay tiên nữ giáng trần, đều nhằm mục đích gây được cảm tình từ đầu cho người đọc, người nghe kể” và “thông qua các nhân vật “Nàng” truyện thơ ca ngợi tự do, nhất là tự do luyến ái, tự do hôn nhân... Ở họ tình yêu nào cũng trong sáng thủy chung, tình phu thê nào cũng trọn vẹn, tình mẫu tử nào cũng thiết tha sâu sắc... Họ là những người có đạo đức, tôn trọng chính nghĩa, lễ nghĩa, tu nhân tích đức...” [3, tr.88-89].

Tiếp tục, trong công trình *Ba áng thơ Nôm Tày và thể loại* năm 2004 [2], Triều Ân có nói lại vài nét về truyện thơ Nôm và tác phẩm Thị Đan. Trong phần truyện thơ Nôm Tày, tác giả nhắc lại thời điểm ra đời truyện thơ Tày, phân loại nguồn gốc truyện thơ Nôm Tày cùng một vài đặc điểm nghệ thuật truyện thơ Nôm Tày và giới thiệu ba thể loại với ba tác phẩm: Lượn cùng tác phẩm “*Hồng nhan tứ quý*”; khúc hát then và tác phẩm “*Khảm hải*”; truyện thơ Nôm và tác phẩm “*Thị Đan*”. Trong phần tác phẩm *Thị Đan*, Triều Ân đã kể lại nội dung câu chuyện, cùng với những lời nhận xét về nhân vật, giá trị nội dung của truyện: “Truyện thơ Nôm “*Thị Đan*” có tính nhân dân lại có tính chiến đấu nữa. Tác phẩm đã nêu lên được quan niệm, ước vọng về luyến ái theo nhân sinh quan của nhân gian. Truyện thơ mang nội dung tố cáo chế độ phong kiến cũ hà khắc đã toả chiết tình cảm trai gái đồng thời mong muốn một luyến ái tự do, một hôn nhân nhân đạo” [2, tr.40]. Tiếp đó, tác giả đưa ra những nét chung về nội dung ba áng thơ: thứ nhất là nỗi đau đời của kiếp người xưa, một trong những nỗi đau là người phụ nữ với tập tục cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy; nét chung thứ hai về nội dung là mơ ước và hy vọng của